

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **316/2018/HS-ST**
Ngày 22/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 315/2018/TLST-HS ngày 05/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2018/QĐXXST-HS ngày 07/11/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh D**; tên gọi khác: không; Sinh ngày 20/3/1998; tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 02/12; Con ông Trần Quốc Bảo C, sinh năm 1974, trú tại: Phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; Con bà Phạm Thị D, sinh năm: 1978, trú tại: huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - *Có mặt*.

- Bị hại: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh D là bạn và sống cùng phòng trọ với vợ chồng chị Lê Thị V tại địa chỉ: Số X, đường M, phường T, thành phố B. Vào sáng ngày 19/7/2018, ông Lê Văn T (là bố của chị V) đến phòng trọ để chơi. Đến khoảng 11 giờ ngày 21/7/2018 ông T, chị V và D tổ chức ăn uống tại phòng trọ, ông T lấy trong chiếc ví màu đen ra số tiền 50.000đ đưa cho D để mua bia về uống. Sau khi nhận xong

ông T đi ngủ còn D đi làm. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D đi làm về và cùng ông T, chị V ra ngoài ăn uống đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì về phòng trọ. Do biết ông T cất tiền trong ví nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T để tiêu xài cá nhân. Lợi dụng lúc ông T không để ý, D đã lén lút mở chiếc ví và lấy trộm số tiền 5.950.000đ. Sau khi lấy được tiền, D đã tiêu xài cá nhân hết. Đến sáng ngày 22/7/2018, ông T phát hiện bị mất trộm tiền và nghi ngờ D nên đã gọi D về đề hỏi thì D đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình, ông T đã trình báo Cơ quan Công an thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột thu giữ 01 chiếc ví da màu đen, kích thước 09x12cm, mặt trước có chữ “Chavinda Italy”. Xác định chiếc ví là tài sản của ông Lê Văn T nên Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại cho ông T nhận quản lý sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Trần Thanh D đã tác động gia đình bồi thường số tiền 5.950.000đ cho ông Lê Văn T. Sau khi nhận lại tài sản, ông T đã không yêu cầu D phải bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 320/CT-VKS ngày 05/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Thanh D, về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nói trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh D từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình bị cáo D đã tự nguyện bồi thường cho ông T số tiền 5.950.000đồng; hiện không có yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời ông T làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thanh D không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh D khai nhận: Vào khoảng 23 giờ ngày 21/7/2018 tại phòng trọ số X đường M, phường T, thành phố B, Trần Thanh D đã lén lút lấy trộm số tiền 5.950.000 đồng của ông Lê Văn T thì bị phát hiện xử lý.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 320/CT-VKS ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Với hành vi lén lút trộm cắp tài sản là số tiền 5.950.000 đồng, bị cáo Trần Thanh D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm và làm mất ổn định trị an xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, không ai được chiếm đoạt. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi, bản tính lười lao động, bị cáo D đã lén lút trộm cắp tài sản của ông T. Do đó cần thiết áp dụng mức hình phạt nghiêm minh tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo D đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, được bị hại bãi nại nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự trong khi lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu bị cáo bồi thường hay hoàn trả gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo D không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí HSST và không phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thanh D** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh D: 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 BLTTHS; Áp dụng khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thanh D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

VŨ VĂN ĐỨC